

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Bà Lê Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Anh Tô Hoài V, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn:** Chị Ngô Thị Kim N, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2023, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, anh Tô Hoài V, trình bày: Vào năm 2006, sau thời gian tìm hiểu, anh và chị Ngô Thị Kim N đã đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên gia đình anh, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Tô Hoài T, sinh ngày 14/10/2011. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hay cãi nhau và không còn sống chung, đến nay không hàn gắn tình cảm được. Nay xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Kim N. Về con chung: có 01 con chung tên Tô Hoài T, sinh ngày 14/10/2011, hiện đang sống với chị N, anh đồng ý giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn chị Ngô Thị Kim N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng chị N vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho anh Tô Hoài V được ly hôn với chị Ngô Thị Kim N. Về việc nuôi con: Giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, công nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Tô Hoài V khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị Kim N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Tô Hoài V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Ngô Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Tô Hoài V và chị Ngô Thị Kim N được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của anh V là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa anh V và chị N có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Anh V và chị N không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập chị N đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa tổng cộng 4 lần nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh V và chị N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Tô Hoài V được ly

hôn với chị Ngô Thị Kim N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung đang sống chung với chị N, đã ổn định. Anh V cũng chấp nhận để chị N tiếp tục nuôi dưỡng nên giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng, anh V tự nguyện cấp dưỡng là không trái quy định pháp luật nên công nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ; còn phải chịu tiếp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Tô Hoài V. Cho anh Tô Hoài V được ly hôn với chị Ngô Thị Kim N.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Tô Hoài V.

2.1. Chị Ngô Thị Kim N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tô Hoài T, sinh ngày 14/10/2011.

2.2. Về cấp dưỡng: Công nhận sự tự nguyện của anh Tô Hoài V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Tô Hoài T, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tô Hoài V chịu 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004315 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú